TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 - GIA LAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2026/DS-ST
Ngày 20 - 5 - 2026
"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ánh Đông.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

2. Bà Trần Thị Bích Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

Ngày 20 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 50/2026/TLST-DS ngày 17/3/2026 "Về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2026/QĐXXST-DS ngày 29/4/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần C, sinh năm 1944; CCCD số: 064044002199, cấp ngày 20/8/2021; địa chỉ: Thôn A, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Dương Thị Hà T, sinh năm 1983; CCCD số: 064183002065, cấp ngày 25/4/2021; địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

* *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Nguyễn Thành T1, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh G - Chi nhánh số 6. Địa chỉ: Số C H, phường A, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và lời khai trong qúa trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần C trình bày: Ngày 17/4/2023, bà Dương Thị Hà T có mượn của ông C số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) và hẹn 05 tháng sau sẽ trả, nhưng sau đó bà T không trả. Do vậy, ông C yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả số tiền còn nợ là 40.000.000đ và tiền lãi từ ngày 01/10/2023 đến ngày 01/3/2026, với lãi suất 10%/năm là 9.662.800đ. Tổng cộng, ông C yêu cầu bà T phải trả số tiền là 49.662.800đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng), trong thời hạn 06 tháng.

* Bị đơn bà Dương Thị Hà T trình bày: Bà T thừa nhận có nợ ông C số tiền 40.000.000đ (Bốn mươi triệu đồng) theo như giấy mượn tiền. Bà T xin ông C trả

số tiền 40.000.000đ trong thời hạn 08 tháng và xin khoản tiền lãi, vì cho rằng trước đây đã trả tiền lãi cho ông C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Trần C khởi kiện đối với bà Dương Thị Hà T, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn T, xã C, tỉnh Gia Lai, yêu cầu bà T phải trả số tiền đã vay. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 - Gia Lai.

[2] Về nội dung: Theo yêu cầu khởi kiện của ông Trần C, cùng với việc cung cấp chứng cứ gốc là "Giấy mượn tiền" ngày 17/4/2023 và bà T cũng thừa nhận có nợ ông C số tiền 40.000.000đ theo như giấy mượn tiền. Bà T chấp nhận trả cho ông C số tiền 40.000.000đ, nhưng xin trả trong thời hạn 08 tháng và xin khoản tiền lãi, vì cho rằng trước đây đã trả tiền lãi cho ông C. Tuy nhiên, ông C không chấp nhận với ý kiến của bà T, bà T cũng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho ý kiến của mình là đúng. Do đó, ý kiến của bà T là không có căn cứ để chấp nhận. Tại phiên tòa, ông C tự nguyện cho bà T trả nợ trong thời hạn 06 tháng. Về tiền lãi: Ông C yêu cầu bà T phải trả số tiền lãi kể từ thời điểm ngày 01/10/2023 đến ngày 01/3/2026, với lãi suất 10%/năm, cụ thể như sau: 40.000.000đ x 10%/năm x 02 năm 5 tháng = 9.662.800đ. Xét thấy, khoản tiền lãi mà ông C yêu cầu là phù hợp theo quy định tại Điều 357 và 468 của Bộ luật Dân sự nên được chấp nhận.

[3] Theo giấy vay tiền các bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ là 05 tháng và không có trả lãi, nên đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và không có lãi. Bà T chưa trả hết số tiền gốc đã vay nên ông C khởi kiện là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà T phải trả cho ông C số tiền gốc còn nợ là 40.000.000đ và số tiền lãi là 9.662.800đ, tổng cộng là 49.662.800đ (Bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng), là đúng theo quy định tại các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C cho bà T trả nợ trong thời hạn 06 tháng (từ ngày 20/5/2026 đến ngày 20/11/2026).

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, thì bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Như vậy, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 49.662.800đ x 5% = 2.483.140đ. Ông C không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 235, 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 466, 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

2. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần C.

- Buộc bà Dương Thị Hà T phải trả cho ông Trần C số tiền gốc còn nợ là 40.000.000đ và số tiền lãi là 9.662.800đ, tổng cộng là 49.662.800đ *(Bốn mươi chín triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn tám trăm đồng)*. Ghi nhận sự tự nguyện của ông C cho bà T trả nợ trong thời hạn 06 tháng (từ ngày 20/5/2026 đến ngày 20/11/2026).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền trên, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Buộc bà Dương Thị Hà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.483.140đ *(Hai triệu bốn trăm tám mươi ba nghìn một trăm bốn mươi đồng)*. Ông Trần C được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

4. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (20/5/2026), các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND khu vực 13-Gia Lai;
- Phòng THADS khu vực 13-Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, VPTA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đồng Ánh Đông